

Bản án số: 57/2025/HS-PT

Ngày: 31/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Nguyễn Nam Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Ly - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31/7/2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 772/2025/TLPT-HS ngày 10/6/2025, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 283/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Bị cáo Dương Thị M, sinh ngày 14/7/1980; giới tính: Nữ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường T, tỉnh Bắc Ninh (trước là phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh); Chỗ ở: số 15 ngõ 22 P, phường N, thành phố Hà Nội (trước là phường M, quận C, Hà Nội); Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Dương Đình N, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1952; Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng là Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1976; Có 03 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2024, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Bùi Ngọc M1, sinh ngày 13/8/1994; Giới tính: Nam; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ M, phường P, tỉnh Ninh Bình (trước là phường L, thành phố P, Hà Nam); Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1973; Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Hoàng Thị L, sinh năm 1999; Có 01 con

sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2024, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Lê Hải Đ, Đinh Thị N không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/10/2023, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố Hà Nội nhận được Phiếu chuyển nguồn tin về tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, Hà Nội về việc chuyển đơn tố giác tội phạm của anh Lê Đình Th và anh Nguyễn Văn H tố giác Dương Thị M - Giám đốc Công ty B (địa chỉ: số 16 N, phường M, quận C, Hà Nội) có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Th số tiền 212 triệu đồng, anh H 100 triệu đồng thông qua việc Công ty B làm thủ tục cho anh Th, H đi học nghề, đi làm tại Úc với hình thức đi du lịch sau đó trốn ở lại lao động bất hợp pháp.

Quá trình điều tra đến nay xác định:

Công ty cổ phần nhân lực B (địa chỉ: ô 20 LK7 T, xã T, huyện Đ, Hà Nội) do chị Phùng Thị Th làm Tổng Giám đốc, công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động Đài Loan và Nhật Bản. Ngày 14/7/2023, Dương Thị M được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Văn phòng tuyển dụng công ty B chuyên tư vấn và tiếp nhận hồ sơ xuất khẩu lao động (tại địa chỉ 31 N, phường M, quận C, Hà Nội) sau đó chuyển hồ sơ về Công ty cổ phần nhân lực B để hoàn thiện hồ sơ xuất cảnh, ngoài ra không có chức năng thu, chi tiền. Văn phòng Công ty có 02 nhân viên là Bùi Ngọc M1 được giao nhiệm vụ đăng bài quảng cáo và tìm nguồn khách đi du lịch, du học, lao động xuất khẩu với mức lương 10 triệu đồng/tháng; Đào Thị Ngọc A được giao soạn thảo hợp đồng cho khách và thực hiện các việc khác theo chỉ đạo của Dương Thị M với mức lương 7 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, còn có Đinh Thị N là cộng tác viên giới thiệu các cá nhân có nhu cầu đi lao động xuất khẩu tại các nước New Zealand, Úc, Canada... cho Văn phòng tuyển dụng; N không nhận lương chỉ hưởng phần trăm hoa hồng của khách đi lao động.

Từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023, Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hương Q, Nguyễn Quý S đã trực tiếp hoặc thông qua trung gian liên hệ với Dương Thị M, Bùi Ngọc M1 và Đinh Thị N để thỏa thuận đi lao động tại Úc, làm nông nghiệp với chi phí từ 8000 USD đến 14.000 USD/ 1 khách thông qua hình thức xin visa du lịch Úc, sau đó trốn ở lại lao động bất hợp pháp; cụ thể như sau:

Đối với Lê Đình Th: Khoảng tháng 5/2023, do có nhu cầu đi lao động tại Úc, anh Lê Đình Th tìm hiểu và liên hệ qua Facebook với Bùi Ngọc M1, M1 đề tư vấn cho anh Th chương trình đi lao động Úc với hình thức xin visa du lịch, sau đó phía Công ty sẽ bố trí người xin việc cho Th tại Úc với chi phí trọn gói là 9.000 USD. Theo sự hướng dẫn của M1, anh Th đến gặp Dương Thị M. Dương Thị M trao đổi với Th cách thức đi lao động tại Úc như trên, M sẽ lo visa du lịch cho Th sang Úc, sau đó sẽ bố trí người xin việc cho Th tại Úc với mức lương từ

50 - 80 triệu đồng/1 tháng, chi phí trọn gói là 9.000 USD và bảo Bùi Ngọc M1 hướng dẫn Lê Đình Th cung cấp các giấy tờ cần thiết để làm hồ sơ xin visa du lịch Úc cho Th, giấy tờ nào thiếu phía công ty sẽ hoàn thiện sau. Việc Dương Thị M hoàn thiện hồ sơ xin visa du lịch cho Th như thế nào M1 không biết và không tham gia. Bùi Ngọc M1 được Dương Thị M trả công số tiền 20 triệu đồng vì đã tìm được khách hàng đi lao động tại Úc cho Dương Thị M.

Từ ngày 13/6/2023 đến 26/7/2023, Lê Đình Th đến trụ sở văn phòng Công ty để nộp tiền mặt và chuyển khoản đến tài khoản số 10089175999 tại Ngân hàng V của Dương Thị M số tiền 212.000.000 đồng (tương đương 9.000 USD) và nộp bản scan hộ chiếu, căn cước công dân, xác nhận cư trú, ảnh... qua zalo cho Dương Thị M để M hợp thức hóa hồ sơ xin visa du lịch Úc cho Th, mục đích sang Úc để trốn ở lại lao động.

Đối với Nguyễn Văn H và Nguyễn Quý S: Khoảng cuối tháng 5/2023, do có nhu cầu đi lao động tại Úc, anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Quý S đã trực tiếp đến gặp Dương Thị M để hỏi thông tin và đặt vấn đề. Dương Thị M trao đổi chi phí trọn gói để đưa Nguyễn Quý S sang Úc lao động theo diện xin visa du lịch là 8.000 USD, Nguyễn Văn H là 10.000 USD (tương đương 240.000.000 đồng); S, H đồng ý. Nguyễn Văn H đã nộp tiền mặt và chuyển khoản cho Dương Thị M số tiền 240.000.000 đồng (tương đương 10.000 USD); Nguyễn Quý S nộp 192.000.000 đồng (tương đương 8.000 USD) cùng các tài liệu, giấy tờ M yêu cầu để M hoàn thiện hồ sơ xin visa du lịch Úc cho S và H.

Đối với Nguyễn Hương Q: Khoảng tháng 6/2023, Nguyễn Hương Q liên hệ với Đinh Thị N (cộng tác viên của Văn phòng Công ty Cổ phần nhân lực B) đặt vấn đề có nhu cầu đi lao động tại Úc. Do trước đó Dương Thị M trao đổi với N về việc hiện có chương trình đi lao động tại Úc theo diện visa du lịch, sau khi sang Úc sẽ bố trí việc làm cho khách với mức lương từ 50 - 80 triệu đồng, chi phí trọn gói là 9.000 USD nên N trao đổi cách thức sang Úc như trên với Nguyễn Hương Q. Ngoài ra, N trao đổi với Q sau khi trốn ở lại Úc nếu muốn chuyển đổi visa du lịch sang visa du học nghề thì sẽ mất thêm chi phí là 5.000 USD. Ngày 26/7/2023, Nguyễn Hương Q chuyển khoản số tiền 329.000.000 đồng (tương đương 14.000 USD) đến tài khoản số 3713197919799 mở tại Ngân hàng A của Đinh Thị N để làm thủ tục đi lao động tại Úc. Cùng ngày, N đưa Q đến văn phòng tuyển dụng Công ty B gặp Dương Thị M để nộp cọc số tiền 9.000 USD (tương đương 211.500.000 đồng) cùng tài liệu gồm: căn cước công dân, hộ chiếu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ảnh 3x4... của Q cho M để hoàn thiện thủ tục xin visa du lịch Úc mục đích sau khi sang Úc, Nguyễn Hương Q sẽ trốn ở lại lao động. Việc M hoàn thiện hồ sơ xin visa du lịch cho Q như thế nào Đinh Thị N không biết và không tham gia.

Do Dương Thị M biết thời điểm này nước Úc không nhận lao động nên đã trao đổi với chị Hoàng Thu H1 là Giám đốc Công ty S (địa chỉ: số 8 Đ, phường C, quận H, Hà Nội) sử dụng số điện thoại 09021404xx; H1 nói có thể xin việc cho khách làm nông trại tại Úc với mức lương 50 - 80 triệu đồng/tháng. Sau đó, M và H1 thống nhất: M sẽ lo phần xin visa du lịch cho các khách trên sang Úc; H1 mua

vé máy bay, đặt tour du lịch, đi cùng đoàn khách sang Úc, tổ chức cho khách ở lại và tìm công việc làm nông nghiệp tại Úc như đã thỏa thuận, chi phí M trả cho H1 là 50 triệu đồng/ 1 khách.

Ngày 13/6/2023, Dương Thị M đã tạo lập nhóm zalo “Dong Phong” gồm 3 thành viên là Lê Hải Đ (Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ visa H), Đào Thị Ngọc A (nhân viên văn phòng công ty B) và Dương Thị M để M chuyển ảnh chụp: hộ chiếu, căn cước công dân, ảnh 4x6, giấy đăng ký kết hôn, sổ đỏ... của Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hương Q, Nguyễn Quý S vào nhóm zalo để Lê Hải Đ tự hoàn thiện những giấy tờ còn thiếu để hợp thức hóa hồ sơ xin visa du lịch Úc cho anh Th, H, Q, S và phân công Ngọc A theo dõi tiến độ thực hiện hồ sơ để báo lại cho M biết. Dương Thị M đã chuyển tổng số 455.200.000 đồng cho Lê Hải Đ để hoàn thiện hồ sơ xin visa du lịch cho 4 khách trên.

Sau đó, Lê Hải Đ tiếp tục chuyển thông tin và tài liệu của 04 khách trên qua zalo “Úc Hàn chào các bạn” cho người đàn ông tên L, sinh năm 1984, hiện đang sinh sống tại Úc (không có thông tin cụ thể) để L cập nhập lên trang Web của Đại sứ quán Úc xin cấp visa du lịch và đặt lịch lăn tay cho Th, H, Q, S tại địa chỉ: số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội, nếu Đại sứ quán có yêu cầu khách bổ sung giấy tờ thiếu như: xác nhận nghề nghiệp, xác nhận bảng lương, xác nhận sổ tiết kiệm hoặc sổ giấy tờ gì khác thì anh L sẽ có trách nhiệm làm giả giấy tờ để hợp thức hóa hồ sơ để đủ điều kiện cho Th, H, Q, S xin visa đi du lịch tại Úc với chi phí trọn gói là 93.100.000 đồng/ 1 người (tổng 4 người là 372.400.000 đồng). Sau khi có lịch lăn tay L báo Đ để Đ thông báo cho M đưa khách đi lăn tay tại Đại sứ quán Úc. Lê Hải Đ đã chuyển tiền cho L thông qua người đàn ông tên T và Quang A (không biết thông tin cụ thể).

Ngày 15/7/2023, Dương Thị M, Đào Thị Ngọc A cùng Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hương Q, Nguyễn Quý S đến trụ sở Đại sứ quán Úc tại số 1 Đào Duy Anh để làm thủ tục lăn tay và phỏng vấn. Theo sự chỉ đạo của Dương Thị M, tại đây Ngọc A dặn Th nếu ai hỏi nghề nghiệp thì Th nhận là Phó Giám đốc Công ty thiết bị xây dựng công trình ở Đông Anh, Hà Nội; Th hiểu là để hợp thức hồ sơ đi du lịch tại Úc của Th. Đào Thị Ngọc A có hỏi Dương Thị M lý do nhưng M không trả lời.

Ngoài 04 khách là H, Th, Q, S, Dương Thị M còn đồng ý cho 03 khách khác đi cùng đoàn sang Úc là anh Nguyễn Việt Tr, anh Nguyễn Hữu Tr1 và anh Cao Đình Đ1. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra thì anh Tr không có ý định ở lại Úc làm việc, không có thỏa thuận với M về việc xin việc làm tại Úc cho anh Tr; anh Nguyễn Hữu Tr1 và anh Cao Đình Đ1 không có mặt tại địa phương, do đó không thể triệu tập để xác minh làm rõ.

Ngày 07/8/2023, Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hương Q, Nguyễn Quý S đến trụ sở văn phòng gặp Dương Thị M. Tại đây, M yêu cầu số khách này ký, điểm chỉ vào BẢN CAM KẾT do M tự soạn với nội dung: “*Tôi ủy quyền cho công ty đặt tour du lịch Úc; Hồ sơ, giấy tờ tôi tự làm, thủ tục xin Visa và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ của mình nếu phát hiện sai sót. Tôi mang hành lý đúng như công ty dặn dò, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*” mục đích hợp thức hóa việc M đã thuê Lê Hải Đ

làm giả tài liệu, làm khống hồ sơ xin visa du lịch Úc cho Th, H, Q, S. Ngoài ra, M còn giới thiệu chị Hoàng Thu H1 – Giám đốc Công ty S sẽ là người hướng dẫn và đi cùng đoàn sang Úc. Toàn bộ vé máy bay, visa, giấy tờ của anh Th, H, Q, S Công ty giao cho chị H1 giữ.

Đến 10 giờ ngày 10/8/2023 (tính theo giờ Việt Nam) đoàn hạ cánh đến sân bay Sydney, Úc và nhận được thông báo không được nhập cảnh vào Úc vì có một số giấy tờ giả; Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quý S, Nguyễn Hương Q bị trục xuất về nước.

Quá trình điều tra Dương Thị M, Lê Hải Đ, Đinh Thị N và Bùi Ngọc M1 khai nhận hành vi phạm tội như trên, các bị can đều biết các khách Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Quý S, Nguyễn Hương Q có nhu cầu đi lao động tại Úc nhưng vẫn tổ chức cho khách sang Úc bằng visa du lịch sau đó trốn ở lại lao động để hưởng lợi cá nhân.

Về số tiền hưởng lợi:

- Đối với Dương Thị M: sau khi nhận 240 triệu đồng của Nguyễn Văn H; 212 triệu đồng của Lê Đình Th; 9.000 USD của Nguyễn Hương Q và 192 triệu đồng của Nguyễn Quý S để lo thủ tục cho 04 khách trên sang Úc lao động theo diện visa du lịch; Dương Thị M đã chi phí 775.200.000 đồng bao gồm tiền xin visa du lịch cho khách, tiền mua vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt tour du lịch; tiền học tiếng Anh cho khách (*phù hợp với tài liệu sao kê*); còn lại M hưởng lợi số tiền 84.800.000 đồng. Sau khi 04 khách trên không sang được Úc, Dương Thị M đã trả cho Nguyễn Văn H 240 triệu đồng; trả cho Lê Đình Th 20 triệu đồng; thông qua Đinh Thị N trả cho Nguyễn Hương Q 5.000 USD (*phù hợp với lời khai của các đối tượng liên quan*).

- Đối với Lê Hải Đ: Sau khi nhận 455.200.000 đồng từ Dương Thị M, Đ đã chuyển cho thanh niên tên L 372.400.000 đồng để hoàn thiện hồ sơ xin visa du lịch cho 4 khách trên; Đ còn hưởng lợi 82.800.000 đồng.

- Đối với Đinh Thị N: Sau khi Nguyễn Hương Q bị từ chối nhập cảnh Úc và bị trả về, Dương Thị M đã chuyển lại cho N 5.000 USD, N đã trả cho Q toàn bộ số tiền là 329 triệu đồng, hiện Đinh Thị N không hưởng lợi gì.

- Đối với Bùi Ngọc M1: hưởng lợi số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 283/2025/HS-ST ngày 28/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thị M 04 (*bốn*) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Buộc bị cáo Dương Thị M nộp 84.800.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng: khoản 1 Điều 349; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc M1 18 (*mười tám*) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời gian chấp hành hình phạt

tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Buộc bị cáo Bùi Ngọc M1 phải nộp 20.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Hải Đ và bị cáo Đinh Thị N; quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2025, bị cáo Dương Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; hiện bị cáo đang nuôi 2 trẻ mồ côi.

Ngày 07/5/2025, bị cáo Bùi Ngọc M1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm vì cho rằng M1 không tư vấn cho anh Lê Đình Th sang Úc theo hình thức xin visa du lịch rồi trốn ở lại lao động mà do anh Th có bằng cao đẳng nghề và đã quá tuổi xin visa du học tại Úc nên M1 tư vấn cho anh Th xin visa du lịch rồi chuyển đổi sang du học nghề.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo M xuất trình 02 biên lai điện tử của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội thể hiện bị cáo đã nộp tại cơ quan thi hành án 84.800.000 đồng thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm; xuất trình Giấy chứng nhận của Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện thành phố Hà Nội về việc bị cáo đã tham gia hiến máu tình nguyện.

Bị cáo Bùi Ngọc M1 thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” là đúng tội; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo M1 xuất trình biên lai thu tiền của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án thành phố Hà Nội) thể hiện bị cáo đã nộp tại cơ quan thi hành án 20.000.000 đồng thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm; đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Dương Thị M, bị cáo Bùi Ngọc M1 phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” là đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình tình tiết mới thể hiện sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo M đã nộp 84.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo M1 đã nộp 20.000.000 đồng thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; trong vụ án này, hậu quả đã được khắc phục. Vì vậy, đối với bị cáo Dương Thị M, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 20 tháng tù. Đối với bị cáo Bùi Ngọc M1, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo M1 thành khẩn nhận tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo M1, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Dương Thị M, Bùi Ngọc M1 trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Dương Thị M, thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị M thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023, Dương Thị M đã tổ chức cho 4 cá nhân là Lê Đình Th, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hương Q và Nguyễn Quý S đi nước ngoài trái phép thông qua hình thức xin visa du lịch Úc, sau đó trốn ở lại lao động bất hợp pháp. Bị cáo Dương Thị M hưởng lợi 84.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Dương Thị M phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Với vai trò là Giám đốc Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần B, Dương Thị M đã chỉ đạo và cấu kết với các bị cáo và một số cá nhân khác để thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án này là vụ án có đồng phạm, trong đó Dương Thị M giữ vai trò quan trọng nhất là đúng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Dương Thị M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã trả cho Nguyễn Văn H 240 triệu đồng; trả cho Lê Đình Th 20 triệu đồng; thông qua Đinh Thị N trả cho Nguyễn Hương Q 5.000 USD. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, đánh giá và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Thị M xuất trình biên lai thu tiền của Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội thể hiện bị cáo đã nộp 84.800.000 đồng thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm - đây là tình tiết mới, thể hiện thái độ chấp hành pháp luật, ăn năn hối cải của bị cáo đối với hành vi phạm tội của mình; bên cạnh đó, bị cáo cũng xuất trình giấy chứng nhận của Ban Chỉ đạo Hiến máu tình nguyện thành phố về việc đã tham gia hiến máu và trình bày về việc đang nuôi 02 trẻ mồ côi thể hiện bị cáo tích cực trong việc tham gia công tác xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc M1, thấy rằng, căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đình Th, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Bùi Ngọc M1 phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn

đi nước ngoài trái phép” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Bùi Ngọc M1 có thời gian tham gia quân đội, có thân nhân là ông Bùi Ngọc Ph là liệt sỹ, được tặng thưởng nhiều huân huy chương; ông Bùi Ngọc H2 là người có công với cách mạng, được thưởng nhiều huân huy chương. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Ngọc M1 thành khẩn nhận tội; bị cáo cũng xuất trình biên lai thu tiền của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội) thể hiện bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, chấp hành pháp luật - đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo Bùi Ngọc M1 phạm tội lần đầu, là người làm công, ăn lương; phạm tội với vai trò giúp sức, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo. Bởi vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc M1 được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[8] Về án phí, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", các bị cáo không phải nộp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị M, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Ngọc M1; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 283/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thị M 20 (Hai mươi) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc M1 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Ngọc M1 cho Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Xác nhận bị cáo Dương Thị M đã nộp 84.800.000 đồng thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000643 ngày 25/7/2025 và Biên lai số 0000708 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Xác nhận bị cáo Bùi Ngọc M1 đã nộp 20.000.000 đồng thu lợi bất chính và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai số 0069252 ngày 13/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội).

3. Bị cáo Dương Thị M, bị cáo Bùi Văn M1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- UBND phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình;
- THADS thành phố Hà Nội;
- các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang